

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26-3-2021

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông V Đăng Đông và ông V Đình Mạnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị May – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/01/2021; Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 36/2021/TB-TA ngày 05/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị T – Sinh năm 1983 (Có mặt).

HKTT: Tổ 24 ST, phường YS, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Tạm trú tại: Thôn MK, xã VH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

**Bị đơn:** Anh Cao Thành L – Sinh năm 1976 (Vắng mặt).

HKTT: Tổ 24 ST, phường YS, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Tạm trú tại: Thôn MK, xã VH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày yêu cầu như sau:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Cao Thành L được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tại UBND phường YS, huyện Thanh Trì (nay là quận Hoàng Mai), thành phố Hà Nội vào ngày 21/02/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống với nhau tại Hà Nội cho đến năm 2018 thì chuyển về mua nhà, làm ăn, sinh sống tại thôn MK, xã VH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 5/2019 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh L không chịu lao động, chơi bời, rượu chè, nhiều lần đánh chị. Bố mẹ đẻ chị đã khuyên bảo để anh L sửa đổi, tu chí làm ăn và anh L hứa sẽ thay đổi nhưng chỉ được một thời gian ngắn sau đó lại tiếp tục vi phạm. Khoảng tháng 7/2020, do mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng nên chị quyết định ly thân với anh L, chị không chung sống với anh L nữa mà chuyển về sinh sống tại gia đình nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn. Khoảng tháng 8/2020, chị đã gửi đơn đến Tòa án để xin ly hôn nhưng sau đó chị rút đơn vì muốn cho anh L thêm một cơ hội, tuy nhiên sau khi chị rút đơn anh L vẫn không thay đổi, do vậy chị tiếp tục làm đơn xin ly hôn anh L. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị không thể tiếp tục chịu đựng tính cách của anh L, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn, níu kéo, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

+ Về con chung: Chị T xác định chị và anh L có 03 con chung là Cao Quốc K, sinh ngày 04/11/2002; Cao Quốc Tr, sinh ngày 23/7/2008 và Cao Trường V, sinh ngày 13/9/2010. Đối với con chung Cao Quốc K đã trưởng thành trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với 02 con chung Cao Quốc K và Cao Quốc Tr đang ở cùng với anh L tuy nhiên chị vẫn chu cấp và chăm sóc. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh L mỗi người nuôi dưỡng 01 con chung, giao cho chị được nuôi con chung Cao Quốc Tr và giao cho anh L nuôi con chung Cao Quốc K cho đến khi các con trưởng thành. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung, công sức: Chị T xác định không có nợ chung, công sức nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Cao Thành L trình bày quan điểm như sau:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị T được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2001 tại UBND phường YS, huyện Thanh Trì (nay là quận Hoàng Mai), thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh và chị T chung sống với nhau tại Hà Nội một thời gian cho đến năm 2018 thì chuyển về mua nhà đất, làm ăn, sinh sống tại thôn MK, xã VH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Anh L xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên trong cuộc sống không tránh khỏi mâu thuẫn, vợ chồng thỉnh thoảng có to tiếng với nhau. Chị T đã một lần làm đơn xin ly hôn tại Tòa án nhưng sau đó vợ chồng lại hòa hợp về chung sống cùng nhau. Thời gian gần đây vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Bản thân anh cũng không tìm chị T về đoàn tụ và cũng không muốn gặp lại chị T với lý do vợ chồng cứ gặp mặt lại xảy ra to tiếng, xô sát với nhau. Từ khi vợ chồng sống ly thân, anh cũng không có bất kỳ biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn và hàn gắn cuộc sống chung. Nay chị T tiếp tục xin ly hôn, anh xác định không bao giờ bỏ vợ vì khi vợ chồng ly hôn sẽ làm ảnh hưởng tới cuộc sống của các con; các con cần có sự yêu thương, chăm sóc của cả bố và mẹ.

+ Về con chung: Anh L xác định anh và chị T có 03 con chung là Cao Quốc K, sinh ngày 04/11/2002; Cao Quốc Tr, sinh ngày 23/7/2008 và Cao Trường V, sinh ngày 13/9/2010. Đối với con chung Cao Quốc K đã trưởng thành trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với 02 con chung Cao Quốc K và Cao Quốc Tr đang ở cùng với anh. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi dưỡng cả hai con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh không trình bày về yêu cầu cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung: Anh L không đề nghị Tòa án giải quyết.

**Tại phiên tòa:** Nguyên đơn chị Phạm Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố

tụng, đảm bảo các nguyên tắc xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại các Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Đề nghị HĐXX:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Cao Thành L.

Về con chung: Giao cho chị T và anh L mỗi người nuôi một con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T và anh L về việc hai bên không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T, anh L không yêu cầu nên không phải giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị T là người khởi kiện nên phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị T khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Cao Thành L, hiện chị T và anh L đều tạm trú tại thôn MK, xã VH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Bị đơn là anh Cao Thành L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Cao Thành L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[2] Về các quan hệ pháp luật cần giải quyết:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Cao Thành L được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 21/02/2001 tại UBND phường YS, huyện Thanh Trì (nay là quận Hoàng Mai), thành phố Hà Nội. Khi đăng ký kết hôn, chị T và anh L đều đủ tuổi và có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn của vợ chồng: Chị T xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, nguyên nhân mâu

thuần là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và do anh L không chịu lao động, chơi bời, rượu chè, nhiều lần đánh chị, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 07/2020 cho đến nay mà không có biện pháp gì cải thiện tình cảm. Anh L xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, căng thẳng, vợ chồng chỉ thỉnh thoảng có va chạm, to tiếng với nhau.

Để làm rõ mâu thuẫn, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương, trưởng thôn MK cung cấp thông tin như sau: Chị T và anh L là vợ chồng và sinh sống tại thôn MK từ năm 2018 đến nay. Hai vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn từ nhiều năm nay và bắt đầu trở lên trầm trọng kể từ năm 2019, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L không chịu lao động lại ham chơi, tụ tập bạn bè nên dẫn đến vợ chồng bất đồng và xảy ra cãi chửi nhau. Anh L có đánh chị T và địa phương phải can thiệp, khuyên nhủ nhưng anh L không thay đổi. Chị T đã nhiều lần muốn làm đơn xin ly hôn anh L nhưng chính quyền địa phương đã động viên chị T tiếp tục chung sống cùng anh L. Giữa năm 2020 thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ thời gian đó cho đến nay. Về phía gia đình chị T xác định vợ chồng chị T và anh L có mâu thuẫn, đặc biệt là từ năm 2019, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, to tiếng với nhau, thậm chí xảy ra đánh nhau mà nguyên nhân xuất phát từ việc anh L không chịu lao động lại thường xuyên chơi bời, uống rượu, không lo toan cho gia đình và đánh chửi chị T. Gia đình và chị T đã nhiều lần phân tích, góp ý, anh L cũng nhận lỗi và hứa sẽ thay đổi nhưng sau đó không thực hiện. Hiện nay, chị T đã trở về sống cùng với gia đình bố mẹ đẻ và ly thân với anh L, hai bên không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm. Mặt khác, vào tháng 08/2020, chị T đã một lần gửi đơn đến Tòa án để xin ly hôn anh L nhưng sau đó chị rút đơn vì muốn cho anh L thêm cơ hội và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án, tuy nhiên sau khi chị rút đơn anh L vẫn không thay đổi do vậy chị T tiếp tục làm đơn xin ly hôn. Từ những căn cứ nêu trên có thể khẳng định mâu thuẫn giữa chị T, anh L đã căng thẳng, trầm trọng, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T ly hôn anh L là phù hợp khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh L đều xác định vợ chồng có 03 con chung là Cao Quốc K, sinh ngày 04/11/2002; Cao Quốc Tr, sinh ngày 23/7/2008 và Cao Trường V, sinh ngày 13/9/2010.

Đối với con chung Cao Quốc K đã trưởng thành trên 18 tuổi nên Tòa án không xem xét, giải quyết về quyền nuôi dưỡng.

Đối với con chung Cao Quốc Tr và Cao Trường V: Chị T đề nghị Tòa án

giải quyết cho chị và anh L mỗi người được nuôi 01 con chung tuy nhiên anh L không đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho nuôi cả hai con chung. Căn cứ ý kiến của hai bên và xem xét điều kiện nuôi dưỡng hiện nay của chị T, anh L thì thấy: Chị T và anh L hiện nay đều có nơi ở ổn định; Về thu nhập: Chị T đang làm việc tại Công ty TNHH CN Brother Việt Nam ở xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương với mức thu nhập ổn định từ 7.000.000đ đến 7.500.000đ/tháng, anh L làm nghề tự do, thu nhập theo anh khai từ 5.000.000đ đến 6.000.000đ/tháng nên đều đủ điều kiện nuôi con. Nguyên vọng của con chung Cao Quốc Tr muốn ở cùng bố và nguyên vọng của con chung Cao Trường V muốn ở cùng mẹ vì vậy cần chấp nhận ý kiến của chị T, giao cho chị T được nuôi con chung Cao Trường V và giao cho anh L nuôi con chung Cao Quốc Tr là phù hợp với điều kiện thực tế và nguyên vọng của các con theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T và anh L mỗi người nuôi dưỡng 01 con chung và trong quá trình giải quyết chị T, anh L đều không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nên chị T và anh L không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị T và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Cao Thành L.

**2. Về con chung:** Chị T và anh L có 03 con chung là Cao Quốc K, sinh ngày 04/11/2002 (đã trên 18 tuổi); Cao Quốc Tr, sinh ngày 23/7/2008 và Cao Trường V, sinh ngày 13/9/2010.

Giao cho chị Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Cao Trường V, sinh ngày 13/9/2010 và giao cho anh Cao Thành L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Cao Quốc Tr, sinh ngày 23/7/2008. Thời gian kể từ tháng 03/2021 đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành.

Chị Phạm Thị T và anh Cao Thành L không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị Phạm Thị T và anh Cao Thành L có quyền, nghĩa vụ thăm nom đối với con chung mà không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức:** Chị T, anh L không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/AA/2017/0009525 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

**5. Về quyền kháng cáo:** Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang;
- Các đương sự;
- UBND phường YS, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Duy Hải**